

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 94

Phân Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh:

Duyên Khởi, Thực, Đế, Giới, Lựa Chọn, Gồm Thâu Thứ Ba

Đoạn 2:

Lại nữa, tụng nêu:

*Xúc duyên kiến viên mãn
Thật hiểu, không ái lạc
Pháp trụ trí tinh tấn
Xử sanh cùng là sau.*

Ở trong tất cả xúc duyên thọ hữu, nếu các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tuyên thuyết về luận nhân ác, không nhân, thỉnh vấn như trước, ở đây tạo tác, ở đây thọ nhận, cho đến nói rộng. Đệ tử của bậc Đại sư an trụ nơi Chánh pháp, hoặc hơn hoặc kém, lược có ba thứ ký biệt không điên đảo:

1. Ký biệt mở bày tự tông.
2. Ký biệt hàng phục tông khác.
3. Ký biệt có chấp, không chấp, tạp nhiễm, thanh tịnh.

Nên biết ở đây, đối với điều thưa hỏi của kẻ kia, ghi nhận không sai biệt. Nghĩa là các thứ khổ, lạc đều từ duyên sanh, là tông ta đã nêu dẫn. Đây tức gọi là ký biệt mở bày tự tông. Nếu đối với chỗ thưa hỏi của kẻ kia, tạo ký biệt như thế: Các thứ chấp về khổ lạc là tự tạo, tha tạo, cùng tạo, cùng không tạo, không nhân mà sanh, nơi tất cả xử do xúc sanh thọ. Sao lại theo cộng chấp về tự tha tạo tác v.v... Nếu xúc nhân nơi thọ hiện không thể đạt được, lại cầu tìm nhân khác, có thể là xảo diệu. Nhưng xúc nhân nơi thọ đã hiện có thể đạt được, nên cầu tìm nhân khác không phải là xảo diệu. Ghi nhận như thế tức gọi là ký biệt hàng phục tông khác. Vì sao? Vì do hai nhân duyên nên kẻ kia bị hàng phục:

1. Trừ căn cảnh thức hợp ra, thì không thể hiển thị người tạo tác khác.

2. Không thể bài bác tất cả hiện lượng của thế gian về chỗ đạt được nhân duyên của xúc như lý.

Lại, kẻ kia không thể lập tự tông, nên cũng lại không thể phá bỏ tha tông, nên gọi là bị hàng phục phá trừ.

Nếu đối với chỗ thừa hỏi của kẻ kia, tạo ký biệt như vậy: Ta cũng chỉ dựa vào thức thuộc cảnh giới của căn, giả lập tự tạo, tha tạo, cùng tạo, hoặc khổ hoặc lạc, nhưng đối với ngã thật đều không có chấp. Ông ở trong ấy có chấp trước tà vạy, nên không thuận chấp nhận. Vì sao? Vì nếu có chấp trước tức là tạp nhiễm. Nếu không chấp trước tức là có thanh tịnh.

Thế nào gọi là nếu có chấp trước tức là tạp nhiễm? Nghĩa là kẻ kia, không phải là hàng thông tuệ của thế gian, nếu đối với tiền tế có chỗ chấp trước, vô minh duyên hành, nói rộng như trước, nên đối với trung tế, về khổ lạc bị tạp nhiễm. Nếu đối với trung tế có chỗ chấp trước, thì cũng như đã nói ở trước, sẽ đối với khổ lạc của hậu tế bị tạp nhiễm.

Thế nào gọi là nếu không chấp trước tức là thanh tịnh? Nghĩa là người thông tuệ, nếu đối với tiền tế hoặc đối với trung tế, không ở nơi các hành chấp ngã, ngã sở. Vị kia, đối với nhân của các thọ nơi tiền tế diệt rồi, là Bát Niết-bàn. Hoặc đối với nhân của các thọ nơi hậu tế diệt, là sẽ Bát Niết-bàn. Đó gọi là ký biệt thứ ba, có chấp không chấp, tạp nhiễm, thanh tịnh.

Lại nữa, nếu có hữu tình dứt bỏ nhân ác, không nhân, đối với pháp do nhân sanh trong năm thứ nhân đạt được chánh kiến, gọi là kiến viên mãn. Đối với Chánh pháp cùng Tỳ-nại-da này không thể chuyển theo, cũng được gọi là thành kiến chánh trực. Do đối với Niết-bàn, ý lạc thanh tịnh, nên cũng gọi là thành tựu chứng tịnh nơi Phật. Đối với cảnh giới được nhận biết, trí đạt thanh tịnh. Do ba duyên ấy, theo như thứ lớp, gọi là đối với Chánh pháp, hướng đến, thân cận, cùng với chứng đắc chân chánh.

Thế nào gọi là năm thứ nhân của pháp từ nhân sanh?

1. Nhân của nẻo ác. Nghĩa là các pháp bất thiện cùng căn bất thiện.

2. Nhân của nẻo thiện. Nghĩa là tất cả pháp thiện cùng các căn thiện.

3. Nhân đối với thức trụ khiến thức trụ. Nghĩa là bốn thứ thực

(ăn).

4. Nhân tạp nhiễm của hiện pháp, hậu pháp. Nghĩa là tất cả lậu.

5. Nhân thanh tịnh: Nghĩa là đế, duyên khởi.

Nếu có hữu tình đối với tự tánh của các nhân ấy, nhận biết rõ đúng như thật là tự tánh của chúng. Đối với nhân duyên ấy nhận biết rõ đúng như thật là nhân duyên ấy. Đối với nhân duyên diệt, nhận biết rõ đúng như thật, đích thực là diệt. Đối với đạo hướng tới diệt, nhận biết rõ đúng như thật, đích thực là đạo, gọi là kiến viên mãn.

Quán sự việc duyên sanh, cho đến vô minh là biên vực tận cùng, vượt quá đấy lại không có nhân của duyên sanh. Quán chỉ do đấy. Quán tự nghĩa rất ráo.

Lại nữa, lược có ba thứ. Ở trong hiện pháp, tịch diệt chân thật, cho đến thọ lượng chưa dừng dứt vĩnh viễn, các sự của cảnh giới thuộc đối tượng nhận thức, luôn nối tiếp chuyển. Nơi hàng hữu học, lúc đang tu tập, thiết lập tánh học. Đối với hàng vô học, khởi tư duy: Ta, tất cả đã dứt hết, sẽ không còn dứt hết nữa. tận trí, vô sanh trí đã xét chọn, gọi là pháp xét chọn. Những gì là ba thứ? Đó là:

1. Sáu xứ.
2. Sáu xứ duyên xúc.
3. Xúc duyên thọ.

Ở đây nên biết, các Thánh đệ tử đa văn hiện có, tùy theo chỗ nhận lãnh, tức đối với sự thọ nhận kia, nhận biết khắp đúng như thật. Lại, tức đối với pháp kia chán lìa, muốn diệt trừ, nên siêng năng tu tập hành chân chánh. Lại, có thể nhận biết rõ như thật về thọ kia do xúc dẫn sanh. Xúc lại do sáu xứ kia dẫn sanh. Tức đối với xúc kia dẫn nhân nơi sáu xứ, chán lìa, nhằm diệt trừ, nên siêng tu hành chân chánh. Lại, đối với thọ, xúc cùng sáu xứ kia, tất cả sự thật lược gồm thâu làm một, nhận biết rõ hết thấy do vô thường diệt, nên gọi là pháp diệt. Đã ở trong hiện pháp, đối với tất cả ba thứ sự thật nơi pháp vô thường diệt, như trước đã nói, tu hạnh chán lìa, nhằm diệt trừ. Do hành chân chánh ấy, nên gọi là học thường được giao phó.

Lại do tu tập hành chân chánh ấy, nên không còn tạo tác, hoàn toàn giải thoát, thế nên gọi là trạch pháp luôn tin cậy. Vì nhằm chứng đắc pháp chưa từng đạt được, chưa từng chứng đắc, nên tu tập không gián đoạn, với phương tiện cẩn trọng, gọi là học thường được ủy thác.

Vì đối với hiện pháp lạc trụ hiện có, không hề thối chuyển, hao mất. Tạo tác không gián đoạn, tạo tác cẩn trọng, do đấy gọi là trạch pháp luôn tin cậy. Nêu rõ về tất cả sự pháp, nơi danh cú văn thân tăng

thượng, gọi là Pháp giới. Các vị đạt được vô ngại giải, nên danh cú văn thân, theo chỗ mong muốn, đều tự tại. Do đó gọi là khéo thông đạt Pháp giới.

Do đối với Pháp giới khéo thông đạt, tức ở nơi nghĩa của tướng chân thật như thế, lại dùng tên gọi khác, theo chỗ vui thích, tuyên thuyết có sai biệt. Cho đến có thể, nơi bảy ngày bảy đêm, hoặc vượt hơn thời lượng ấy, từ biện luôn đầy đủ.

Lại dùng chủng loại sai biệt như vậy, tuyên thuyết như thật, các pháp kia là hữu vi, là chỗ tạo tác, chuyển động của Tư, yếu kém như bệnh, như ung nhọt, cho đến nói rộng.

Lại nữa, nên biết, các A-la-hán gồm đủ thắng giải, lược có sáu thứ ký biệt đã hiểu rõ:

1. Ký biệt có dị môn.
2. Ký biệt không dị môn.
3. Ký biệt do trí.
4. Ký biệt do đoạn.
5. Ký biệt chung.
6. Ký biệt riêng.

- Ký biệt có dị môn: Nghĩa là như có một hành giả, hoặc do kẻ khác thỉnh vấn, hoặc lại tự nhiên vì nhằm khiến cho người khác, đối với Thánh giáo của Phật khởi nhiều cung kính, nên ký biệt như vậy: Ta nơi hiện tại không còn một nghi hoặc nào!

- Ký biệt không dị môn: Tức nêu ký biệt: Sự sanh của ta đã hết, cho đến nói rộng.

- Ký biệt do trí: Nghĩa là có thỉnh vấn: Thế nào là biết? Thế nào là thấy? Sự sanh của kẻ kia đã hết, nên ký biệt, nói: Duyên của sanh hết, nên sanh kia đã hết. Dùng tướng như thế, ký biệt về tận trí thuộc trí khéo giải thoát của tự mình, gọi là ký biệt do trí.

- Lại, tức ở đây ký biệt riêng: Tức ký biệt nhân duyên kia là có. Lại ký biệt nhân duyên của sanh kia là nhân duyên nơi các thủ. Lại ký biệt tướng của các thủ ấy, nhận biết như thật, nhận thấy như thật khiến thủ không có.

- Ký biệt chung: Nghĩa là, tức ở đây, hết thấy chỗ ký biệt đã nhận biết rõ về các thọ hiện có đều khổ. Đã nhận biết rõ rồi, khiến sự sanh kia dứt hết. Ký biệt như thế gọi là ký biệt chung.

- Ký biệt do đoạn: Tức do nội giải thoát kia, nên tất cả nhân duyên của tham ái đều dứt hết. Ký biệt như vậy gọi là ký biệt do đoạn. Ký biệt do đoạn này, tức như trước nói, gọi là ký biệt riêng.

Ký biệt chung ấy, nên biết lược do ba thứ hành tướng. Nghĩa là Đức Bạc-già-phạm đã nói về các kiết, ta đều không có. Đó gọi là ký biệt chung đầu tiên do đoạn. Nghĩa là các hữu kiết đều vĩnh viễn đoạn trừ.

Lại, ta an trụ nơi chánh niệm như thế. Do ta an trụ nơi chánh niệm ấy, nên tất cả tham, ưu, các pháp ác bất thiện, có thể khiến chúng hoàn toàn không cấu nhiễm nơi tâm. Đó gọi là ký biệt chung thứ hai, do đoạn. Nghĩa là hằng trụ.

Lại, ở trong ấy tự không kiêu mạn. Đó gọi là ký biệt chung thứ ba, do đoạn. Nghĩa là không có tăng thượng mạn khác.

Như vậy là đã nêu chung, có sáu thứ ký biệt.

Lại nữa, có ba thứ pháp là chỗ yêu thích của các thế gian, dựa nơi nội pháp mà nói. Đó là:

1. Thế lực.
2. Diệu sắc.
3. Thọ mạng.

Lại có trái hại với ba pháp như thế, có thể dẫn đến chỗ đối trị, không thể yêu thích ba thứ pháp riêng:

1. Tật bệnh.
2. Già suy.
3. Chết yếu.

Nếu đối với ba học, lúc đấy khởi hành tà, liền không thể gần nhận vượt khỏi bệnh tật, già suy, mạng yếu. Nếu đối với ba học, lúc phát khởi hành chân chánh, tức có thể vượt khỏi ba sự như vậy. Những gì là ba học? Đó là:

1. Giới học tăng thượng.
2. Tâm học tăng thượng.
3. Huệ học tăng thượng.

Thế nào gọi là nương dựa nơi Giới học tăng thượng hiện có, đấy khởi các hành tà? Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong pháp mới học có chỗ hủy phạm. Hoặc quán nơi mình, hoặc quán nơi kẻ khác, đều không có xấu hổ. Đã tự an trụ nơi tâm không biết xấu hổ rồi, liền đối với tất cả pháp ác bất thiện không tự ngăn giữ. Đã đối với pháp kia không tự giữ gìn. Đã đối với Phật Pháp Tăng không khởi cung kính, nên đối với các thứ chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền đã học đều không kính sợ. Do nhân duyên ấy, hoặc đối với sự việc này, kẻ khác chính thức nêu lên, can gián, liền đối với họ cho là không thể nhẫn, thọ. Tự mình đối với các vị kia cũng im lặng, không cùng nói năng. Nơi xứ phi xứ, hữu tình

có thể nêu dẫn khuyên can đúng đắn, đều ghét bỏ, xa lánh. Đối với việc làm theo các hành tà, thì những ai đồng với pháp của mình, liền thân cận, giao du, ưa thích cùng ở chung. Do cùng với bạn ác thường ở chung, nên đối với các bậc Hiền Thánh hãy còn sanh tâm ghét bỏ, hướng hồ là sẽ đi đến trú xứ, kính cẩn thưa hỏi, lãnh hội, phụng hành. Giả như có đi đến, vì có thuyết giảng Chánh pháp, do ghét bỏ các Thánh Hiền, nên không muốn nghe. Như tạm thời lắng nghe, thì tâm không kính thuận, chỉ mang tâm chống trái, không vì để hiểu biết mà có lắng nghe. Ở trong các trí luận phân biệt hành chân chánh nơi xứ phi xứ, đều không thích an trụ. Kể ấy, do bên trong mang tâm chống trái, nên tuy có lắng nghe, nhưng không tin, nhận, cũng không nương vào đấy để hành trì.

Lại, các bậc Hiền Thánh đều im lặng, không cùng với kẻ ấy nói năng, khởi tư duy: Hành giả như thế là không kham nổi những lời chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền. Kẻ kia đã tự nhiên không có pháp để tự chế ngự, lại bị các bậc Hiền Thánh từ bỏ, nên nội tâm luôn không tịch tĩnh, ngoại thân ngôn ý hỗn tạp mà trụ. Tham, ác càng tăng, lời lẽ càng kiêu ngạo, đối với sự việc như thế không thấy tội lỗi, nhiều chỗ hủy phạm không như pháp sám hối. Do luôn hành tập nên lần lượt hủy phạm tất cả Thi-la. Nên biết đó gọi là nương dựa nơi Giới học tăng thượng hiện có, đẩy khởi các hành tà vạy. Cùng với đấy trái nhau, nên biết tức là nương dựa nơi Giới học tăng thượng hiện có, phát khởi hành chân chánh.

Thế nào gọi là nương dựa nơi Tâm học tăng thượng hiện có, đẩy khởi các hành tà? Nghĩa là vào lúc hành trì không như lý chánh, chấp giữ lấy các tướng tùy hảo của cảnh giới, do nhân duyên ấy, phát khởi vọng niệm. Tức ở trong ấy không quán xét lỗi lầm tai họa, phiền não sanh rồi giữ chặt không bỏ. Do đấy nên trụ không chánh tri. Hoặc khi an trụ thì ở nơi chốn xa lìa, không có người thứ hai. Tức do vọng niệm, trụ không chánh tri làm chỗ nương dựa, tâm dong ruổi tan theo ngoại cảnh. Như thế gọi là y chỉ nơi Tâm học tăng thượng hiện có, đẩy khởi các hành tà vạy. Cùng với đấy trái nhau, nên biết tức là nương dựa nơi tâm học tăng thượng hiện có, phát khởi hành chân chánh.

Thế nào gọi là nương dựa nơi Huệ học tăng thượng hiện có, đẩy khởi các hành tà? Nghĩa là như có một hữu tình, lìa gần Hiền Thánh, nương gần bạn ác, nghe pháp không chân chánh, thắng giải làm nhân, không như chánh lý để xét chọn các pháp. Đối với các thứ dục ác, kiến ác, vui thích thọ hành. Hoặc ở trong pháp vi diệu rộng lớn đã học, đã đạt được, lại tự khinh thường. Như thế gọi là nương dựa nơi Huệ học

tăng thượng hiện có, dấy khởi các hành tà vạy. Cùng với dấy trái nhau, nên biết tức là nương dựa nơi Huệ học tăng thượng hiện có, phát khởi hành chân chánh.

Ở đây, hữu tình phàm phu, nương dựa nơi ba thứ học như thế, đã dấy khởi hành tà, không có khả năng vượt khỏi địa phàm phu, để hưởng nhập thuận hợp chánh tánh ly sanh, đoạn trừ hoàn toàn ba kiết. Do không đoạn trừ vĩnh viễn ba thứ kiết, nên không đủ năng lực nương dựa vào Tu đạo, đặc A-la-hán, ở trong hiện pháp đã hoàn toàn dứt trừ hết tất cả phiền não như tham-sân-si, vượt khỏi các thứ bệnh tật, già suy, mạng yếu của vị lai. Cùng với dấy trái nhau, nên biết tức là ở trong ba học, hành đúng như thật nơi tất cả phẩm trắng, nói rộng cho đến siêu vượt các thứ bệnh tật, già suy cùng mạng yếu của vị lai.

Lại nữa, hoặc có Bí-sô, gồm đủ Thi-la thanh tịnh, trụ nơi luật nghi thanh tịnh biệt giải thoát, do sức tăng thượng của Tâm học tăng thượng, nên đạt được Tam-ma-địa thù thắng thuộc phần gần của Tịch lự thứ nhất, dùng làm chỗ dựa. Do sức tăng thượng của Huệ học tăng thượng, nên đạt được trí Pháp trụ cùng trí Niết-bàn. Dùng hai trí ấy làm chỗ dựa, trước do bốn thứ viên mãn, lúc xa lìa nẻo thọ học chuyển, khiến tâm giải thoát tất cả phiền não, chứng đắc A-la-hán, thành Huệ giải thoát.

Ở đây, thế nào là Pháp trụ? Nghĩa là như có một hữu tình, lắng nghe giáo pháp, tùy thuận duyên tánh duyên sanh không điên đảo rồi, đối với phần vị nhân quả của hành duyên sanh, trụ nơi địa phàm phu, liền có thể dùng đúng như thật tác ý do Văn-Tư-Tu tạo thành, tư duy như lý. Có thể dùng huệ diệu ngộ nhập tin hiểu về Khổ đúng thực là Khổ, Tập đúng thực là Tập, Diệt đúng thực là Diệt, Đạo đúng thực là Đạo. Các thứ như thế, như trong pháp an lập nhân quả, với diệu trí hiện có, gọi là trí Pháp trụ.

Lại, thế nào gọi là trí Niết-bàn? Nghĩa là “pháp nhĩ” kia, nếu đối với Khổ Tập Diệt Đạo, do diệu trí khi ngộ nhập, tin hiểu là Khổ Tập Diệt Đạo để chân thật, liền đối với Khổ Tập trụ nơi tưởng chán, nghịch. Đối với Niết-bàn vắng lặng khởi tưởng tịch tĩnh. Đó là tịch tĩnh rốt ráo, vi diệu, dứt bỏ tất cả chỗ dựa của sanh tử, cho đến nói rộng.

Như thế, nương dựa nơi trí Pháp trụ kia, cùng nhân nơi Khổ hoặc nhân duyên của Khổ, trụ nơi tưởng chán nghịch, nên đối với Niết-bàn có thể dùng diệu huệ ngộ nhập tin hiểu là tịch tĩnh v.v... Diệu trí như vậy, gọi là trí Niết-bàn.

Lại nữa, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, các vị thông tuệ, chánh quán về sáu thứ tròn đủ, nên hiện tiền có thể phát khởi siêu

năng tinh tấn trụ. Những gì gọi là sáu thứ tròn đủ? Đó là:

1. Bậc Đại sư tròn đủ.
2. Thánh giáo tròn đủ.
3. Thánh giáo dễ nhập, tròn đủ.
4. Chứng đắc tự nghĩa vô thượng tròn đủ.
5. Tất cả tuyên thuyết như lý, không gián đoạn tròn đủ.
6. Có Thánh ngôn đều tròn đủ.

Thế nào là bậc Đại sư tròn đủ? Nghĩa là các Đức Như Lai thành tựu mười lực, bốn vô sở úy v.v... Như thế gọi là bậc Đại sư tròn đủ.

Thế nào gọi là Thánh giáo tròn đủ? Nghĩa là tự xưng nói: Ta nay đã ở nơi phần vị của bậc Đại tiên tôn quý, có thể chuyển Phạm luân, ở trong đại chúng chánh thức gầm tiếng sư tử, khai thị tất cả nẻo duyên khởi thuận nghịch, Niết-bàn tịch diệt v.v... Như thế gọi là Thánh giáo tròn đủ.

Thế nào gọi là Thánh giáo dễ nhập, tròn đủ? Nghĩa là văn cú hiện có của Thánh giáo này, về tánh thì sáng rõ, về nghĩa thì sâu xa. Do Thánh giáo này có thể khai phát đúng đắn các nghĩa thâm diệu, nêu bày văn cú về tánh thì sáng rõ, về nghĩa thì sâu xa. Như vậy gọi là Thánh giáo dễ nhập, tròn đủ.

Thế nào gọi là chứng đắc tự nghĩa vô thượng, tròn đủ? Nghĩa là không có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào, nơi trụ xứ của Như Lai, có thể chính thức khai giác thông huệ hơn được. Thế nên, đối với kẻ khác, chứng đắc tự nghĩa, về nghĩa nên đạt được, về nghĩa nên giác ngộ, chỉ có Đức Như Lai, với giáo pháp đã thuyết giảng là diệu, là trên. Nếu vượt quá mức ấy thì đường ngôn từ dứt. Như vậy gọi là chứng đắc tự nghĩa vô thượng, tròn đủ.

Thế nào gọi là tất cả tuyên thuyết đều như lý, không gián đoạn, tròn đủ? Nghĩa là các Đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp, vì khắp hết thấy hàng Trời, Người, khai thị thuận hợp, khai thị nơi tất cả pháp, khai thị đầy đủ, không làm vị thầy mỗi một. Như vậy gọi là tất cả tuyên thuyết đều như lý, không gián đoạn, tròn đủ.

Thế nào gọi là có Thánh ngôn đều tròn đủ? Nghĩa là có thể đoạn trừ tất cả nghi hoặc, cùng có thể sanh khởi hết thấy thiện căn, hết thấy pháp thiện, với chỗ dựa là tin tưởng lớn, hiện lượng có thể đạt được, là chốn an trú, bậc Đại sư hiện tiền. Như vậy gọi là có Thánh ngôn đều tròn đủ.

Các bậc thông tuệ, chánh quán sáu thứ tròn đủ này, hiện tại đủ khả năng phát khởi siêng năng, tinh tấn trụ. Ở trong ba học, dựa nơi

Giới tăng thượng, tu tập Du già. Dựa vào Tâm tăng thượng, tu không phóng dật. Dựa nơi Huệ tăng thượng, đối với giáo pháp của bậc Đại sư, tu hạnh Du già.

Nếu có kẻ, tâm trụ nơi sự biếng trễ, nên biết là đã mong cầu hai thứ lỗi lầm tai họa:

1. Mong cầu hiện pháp có thể sanh các khổ của vị lai, hết thảy phiền não tạp nhiễm, ưu khổ, trụ không an ổn.

2. Mong cầu tất cả pháp thiện đã chứng, chưa chứng, hiện có bị thối thất. Tức thối thất khả năng dẫn dắt, khả năng đi đến nẻo thiện, đạt tới nghĩa lớn của Niết-bàn.

Cùng với đấy trái nhau, là kẻ siêng năng tinh tấn, nên biết là đã mong cầu hai thứ thắng lợi. Người tinh tấn ấy, đối với các pháp thiện chưa chứng, có thể chứng đắc, không thối mất, có thể hoàn thành tự nghĩa, tha nghĩa, cả hai nghĩa.

Thế nào gọi là có thể hoàn thành tự nghĩa? Tức là chư vị đã xuất gia rồi, do hai thứ tướng, nên nói là có quả:

1. Chứng đắc, lìa mọi trói buộc của phiền não, đạt Niết-bàn rốt ráo, nghĩa là quả Ly hệ.

2. Có thể phát khởi lạc thù thắng của thế gian. Nghĩa là đi đến nẻo thiện, vui thích với quả Dị thực.

Thế nào gọi là có thể hoàn thành tha nghĩa? Tức là rộng vì kẻ khác tuyên thuyết pháp chính yếu, khiến họ có thể đi đến nẻo thiện của thế gian, đạt Niết-bàn cứu cánh.

Thế nào gọi là có thể hoàn thành cả hai nghĩa? Tức là tự tu trì phước điền thanh tịnh, tánh có thể gắng nhận, thọ dụng từ biên tịnh tín các thứ vật dụng đã đạt được đúng như pháp như y phục v.v... Do thọ dụng ấy gồm nuôi dưỡng bản thân khiến có thể thuận theo tất cả phẩm thiện. Lại có thể khiến cho kẻ khác đối với mình tạo được quả báo lớn, tức là đi đến nẻo thiện của vị lai. Đạt được lợi thù thắng, nghĩa là sẽ đạt được của cải, vật báu, kẻ hầu hạ đều viên mãn.

Đạt được vinh hiển, hưng thịnh, tức sẽ đạt được thọ mạng, sắc lực, biện tài v.v... tự viên mãn.

Đạt được sự tu tập lớn rộng, tức đối với việc đạt được ba xứ như trên, trải qua thời gian dài luôn gắn liền không gián đoạn.

Do bốn thứ tướng, nên biết Đức Thế Tôn giảng nói Thánh giáo, được gọi là pháp khéo thuyết giảng:

1. Có thể hướng tới tịch tĩnh, có thể khiến chứng đắc Giới Niết-bàn Hữu dư y.

2. Có thể Bát Niết-bàn, có thể khiến chứng đắc Giới Niết-bàn Vô dư y.

3. Có thể hướng đến Bồ đề, có thể khiến chứng đắc ba Bồ đề: Thanh văn, Độc giác, Chánh đẳng Vô thượng.

4. Thiện Thệ phân biệt về hiện lượng rốt ráo tốt cùng, hiển bày chỗ khai thị của bậc Đại sư vô thượng.

Lại nữa, gồm đủ bốn viên mãn, có thể sanh nơi xứ Thánh. Nếu theo đây, thành tựu một thứ viên mãn ấy thì ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, lúc tu hành đúng đắn, gọi là: “Thiện lai! Thiện xuất gia”. Những gì gọi là bốn thứ viên mãn? Đó là:

1. Ý lạc tăng thượng viên mãn.

2. Căn viên mãn.

3. Trí viên mãn.

4. Tức ở nơi xứ Thánh, có Phật xuất hiện ở đời, được gặp, viên mãn.

- Ý lạc tăng thượng viên mãn: Nghĩa là như có một hành giả, đối với Bát Niết-bàn, ý lạc tăng thượng nhằm tu trị cực tịnh, nên xuất gia, không phải là bị chủ nợ, cùng các thứ sợ hãi bức bách, cho đến nói rộng. Nên biết người đã xuất gia như thế gọi là khéo xuất gia, sanh nơi xứ Thánh.

- Căn viên mãn: Nghĩa là như có một hành giả, mắt tai đầy đủ, không phải là hạng Bán-trạch-ca, chỉ phần không thiếu. Do có được các căn không thiếu như thế, nên ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng có thể thực hiện việc xuất gia, lúc giảng nói Chánh pháp có thể nghe nhận.

- Trí viên mãn: Nghĩa là như có một hành giả, tánh không ngu tối, không có chướng ngại do ngu si của phẩm hạ, cũng không cam ngọng. Không có chướng ngại do ngu si của phẩm trung, nên không phải là hạng “tay thay lời nói”. Không có chướng ngại do ngu si thuộc phẩm thượng, nên lia ba thứ chướng ngại do ngu si của trí. Có năng lực để hiểu rõ nghĩa của pháp nói về thiện nói về ác hiện có.

Tức ở nơi xứ Thánh, có Phật xuất hiện ở đời, được gặp viên mãn. Nghĩa là như hiện tại có Đức Bạc-già-phạm Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ở thế gian, là bậc Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, cho đến nói rộng, đã tuyên thuyết Chánh pháp, hướng tới tịch tĩnh v.v..., nói rộng như trước.

Nên biết ở đây, sanh nơi xứ Thánh, nên gọi là “Thiện lai!”. Khéo được xuất gia, căn không thiếu, giảm, không ngu tối, không cam ngọng, cũng không dùng tay thay cho lời nói, gọi là khéo đạt được thân người

đầy đủ.

Lại nữa, người tu hành Quán, đối với các hành duyên sanh lưu chuyển, lược có hai thứ pháp tạo do dự. Đó là:

1. Vâng tập theo luận nói không nhân.
2. Vâng tập theo luận nói nhân ác.

Ở đây, vâng tập nơi luận không nhân: Tức quán xét tất cả loại đều không có nhân, liền sanh nghi hoặc: Vì sao các pháp không có nhân mà chuyển?

Trường hợp vâng tập nơi luận nhân ác: Cũng sanh nghi hoặc: Vì sao do nhân không tương tự kia, do nhân không hợp lý mà có các pháp chuyển?

Nếu có các Thánh đệ tử đa văn, xa lìa hai thứ luận không chân thật, chánh quán về pháp lưu chuyển là do nhân quyên, được khéo quyết định, không có nghi hoặc, nội chứng chân thật. Nếu đối với xứ này, nói có các Thánh đệ tử đa văn, nên biết ở đây là các phàm phu. Nếu đối với xứ này, nói có các Thánh đệ tử đa văn, nên biết ở đây là các phàm phu. Nếu đối với xứ này, chỉ nói có các Thánh đệ tử, nên biết ở đây là nói các vị đã kiến đế.

Lại nữa, ở trong Chánh pháp, lược có ba thứ hữu tình cũng có khổ não, trụ nơi không an ổn. Những gì là ba thứ? Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, vì cầu đạt Niết-bàn, hướng tới Niết-bàn, dứt bỏ pháp nhà, chọn đời sống không nhà, đã xuất gia rồi, chỉ có thể thọ trí giới cấm hiện có, liền trụ nơi biết đủ, không đối với mọi thời gian chuyển biến, tinh tấn tu tập Tâm học, Huệ học tăng thượng. Vị ấy đã bỏ cảnh giới thọ dụng hiện có lúc còn ở nơi gia đình, nhưng chưa thể tùy thuận, đạt được an ổn vô thượng, chứng đạo Niết-bàn, nên ở nơi khoảng giữa cũng có khổ não, trụ không an ổn. Đó gọi là loại hữu tình thứ nhất.

Lại như có một hữu tình, tuy không chỉ đối với giới cấm đã thọ, biết đủ, an trụ, nhưng chưa thể vượt quá địa phàm phu. Do chưa thể vượt khỏi địa phàm phu, nên đối với tất cả pháp đều duyên dựa vào kẻ khác. Thường xem xét diện mạo, ngôn ngữ của kẻ khác, làm sao có thể nhận biết, thấy rõ đúng như thật về các đối tượng cần được thấy, biết? Luôn ở nơi kẻ khác để cầu trí, cầu được lãnh hội Chánh pháp, được chỉ dạy, khuyến bảo, trao truyền, nhưng nơi tự tâm có nghi có hoặc, cũng có khổ não, cũng có khổ não, trụ nơi không an ổn, đó gọi là loại hữu tình thứ hai.

Lại, như có một hữu tình là học kiến tích, trụ nơi phóng dật, ở

trong hiện pháp không thể chứng đắc Niết-bàn cứu cánh, để có thể thâm nhận nhân sanh khởi của hữu thể thứ hai, có được trụ thứ hai, nên cũng có khổ não, trụ không an ổn. Đó gọi là loại hữu tình thứ ba.

Ba loại hữu tình như thế, lại có ba loại hữu tình khác, có các an lạc, khéo trụ nơi an ổn, nghĩa là bậc A-la-hán hoàn toàn lạc trụ.

Lại nữa, tụng nêu:

*Có diệt, hoặc Sa-môn
Bà-la-môn thọ trí
Lưu chuyển cùng qua lại
Phật thuận nghịch là sau.*

Các vị học kiến tích, tuy đối với Niết-bàn tịch tĩnh có diệt không theo kẻ khác, tin nơi huệ nhãn của Thánh nội, tự có thể quán thấy, nhưng cũng chưa thể do thân xúc chứng. Vì như có người bị khát do nóng bức bách, chạy đến nơi giếng sâu, tuy dùng mắt thường thấy rõ nước trong giếng trong lành không có bụi đất uế tạp, lại thấy cả vật dùng múc nước, nhưng đối với nước kia thân chưa xác chứng. Như vậy, hàng hữu học tuy nương theo huệ nhãn của bậc Thánh, hiện thấy chỗ cầu đạt về sau là đoạn hết phiền não, tịch tĩnh tột cùng, nhưng đối với sự đoạn trừ ấy, thân chưa xác chứng.

Lại nữa, có các Sa-môn hoặc Bà-la-môn, đối với Tham-sân-si đã đoạn dứt trọn vẹn, nhưng về nghĩa Sa-môn, Bà-la-môn đích thực thì hoàn toàn chưa chứng đắc. Các thế gian đối với họ khởi tưởng Sa-môn, tưởng Bà-la-môn, họ cũng tự xưng là Sa-môn, Bà-la-môn đích thực. Thế gian đối với họ tuy khởi tưởng ấy, nhưng họ chỉ là Sa-môn, Bà-la-môn thế tục, không phải là Đệ nhất nghĩa. Nếu nơi Đệ nhất nghĩa có các Sa-môn, Bà-la-môn thì họ đều không tự nhận mình là Sa-môn, Bà-la-môn. Vì sao? Vì do họ không thể nhận biết rõ đúng như thật về các pháp tạp nhiễm. Nhân của pháp tạp nhiễm cũng không nhận biết rõ như thật về nẻo diệt kia, về hành diệt kia. Pháp tạp nhiễm: Nghĩa là các khổ thuộc về chi lão tử cùng do chi sanh. Nhân của pháp tạp nhiễm lại có hai thứ:

1. Do ái tạo tác.
2. Do nghiệp tạo tác.

- Do ái tạo tác: Tức là do lý theo thứ lớp nghịch của duyên khởi có chi thủ, ái, hoặc vô minh xúc sanh khởi các thọ, hoặc vô minh xúc cùng vô minh giới tùy theo sáu xứ.

- Do nghiệp tạo tác: Nghĩa là do lý theo thứ lớp nghịch của duyên khởi là danh sắc, thức, hành, cùng tức đối với chúng không nhận biết

như thật, như trí pháp trụ hãy còn chưa thể biết rõ, hướng chi là hiện như họ lúc hiện quán đế có thể nhận biết rõ khắp. Hoặc như tu đạo chưa nhận biết rõ khắp. Như địa vô học chưa thể vượt khỏi.

Lại nữa, lược do hai thứ minh xúc sanh pháp, ở trong tất cả hành duyên sanh kia, dựa nơi lý của bốn đế hướng nhập hiện quán.

Những gì là hai thứ minh xúc? Đó là:

1. Minh xúc do lãnh nạp đối tượng duyên làm tánh, sanh thọ.
2. Minh xúc do lựa chọn đối tượng duyên làm tánh, sanh huệ.

Nên biết ở đây, đối với mười một chi an lập bốn đế, dựa nơi mỗi mỗi chi đế ấy kiến lập bốn mươi bốn sự. Tức dựa vào minh xúc sanh các thọ, tuyên thuyết bốn mươi bốn thứ thọ sự sai biệt như thế. Tức dựa vào các huệ do minh xúc sanh, tuyên thuyết bốn mươi bốn thứ trí sự sai biệt như thế.

Trong ấy, lão tử được tạo từ hậu tế, chỉ là quả không phải nhân. Đối với vô minh được phát khởi từ tiền tế, chỉ là nhân không phải quả. Còn các hữu chi khác, cũng là nhân cũng là quả.

Trí hiện hữu khắp ba thời có sai biệt như trước đã nói. Trí quyết định khắp có sai biệt. Do trí pháp trụ đã gồm thâm trí có thể giữ lấy. Do tánh vô thường có sai biệt, nên biết đã kiến lập bảy mươi bảy thứ trí sự có sai biệt.

Như thế là đã hiển thị hành quán đầy đủ về tất cả hành tướng của các tế. Từ đây, liên tục nhập hiện quán đế, lần lượt tu tập cho đến đạt được quả A-la-hán.

Lại nữa, do ba thứ tướng, nên đối với hành duyên sanh phải nhận biết rõ đúng về thứ lớp lưu chuyển. Những gì là ba thứ tướng? Đó là:

1. Nhân tăng ích.
2. Quả sanh khởi.
3. Quả tăng tập.

Tất cả như thế lược thâm làm một, gọi chung là các pháp, hoặc tăng, hoặc sanh, hoặc tập, dựa nơi nhân quả diệt. Như chỗ ứng hợp nên biết, gọi là hoặc giảm, hoặc diệt, hoặc mất. Như vậy, đạo lý của ý nghĩa sâu xa có sai biệt, không trái với pháp tánh. Lại có nghĩa sai biệt. Thời gian của ba đời có sai biệt. Cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc có sai biệt. Như thứ lớp ấy, hoặc tăng hoặc giảm, hoặc sanh hoặc diệt, hoặc tích tập, hoặc ẩn mất, nên nhận biết rõ đúng.

Lại nữa, nên biết lược có hai thứ tạp nhiễm:

1. Tạp nhiễm của nghiệp ái.
2. Tạp nhiễm của vọng kiến.

Hai thứ tạp nhiễm này, dựa nơi hai phẩm:

1. Phẩm tại gia.
2. Phẩm xuất gia.

Nên biết ở đây, tạp nhiễm của nghiệp ái đã tạo tác, gọi là Tư tạo tác. Tạp nhiễm của vọng kiến từ tà chấp khởi, gọi là chỗ chấp của suy tính. Trong ấy, phàm phu hoặc là phẩm tại gia, hoặc là phẩm xuất gia đều có đủ hai thứ tạp nhiễm. Do các triền cùng tùy miên, nhân nơi đối tượng duyên kia, đối với bốn thức trụ, khiến tâm sanh khởi các thứ tạp nhiễm rồi, thì chiêu tập hữu sau, tuần hoàn qua lại không được giải thoát.

Hàng hữu học kiến tích, đối với tạp nhiễm của vọng kiến đã vĩnh viễn đoạn trừ, chỉ có ngã mạn dựa nơi xứ tập khí hỷ còn, chưa đoạn trừ rốt ráo. Chư vị ấy không tạo nghiệp mới, không vui thích hữu sau với tạp nhiễm của nghiệp ái, không có các triền có thể tạo tạp nhiễm, chỉ có tùy miên nương dựa vào sự tương tục, có thể gây tạp nhiễm, nhân nơi đối tượng duyên kia, đối với các thức trụ, khiến tâm tạp nhiễm, chiêu tập hữu sau.

Nếu là các hàng vô học thì triền và tùy miên của hai thứ tạp nhiễm đều đã đoạn trừ hoàn toàn. Tức trong hiện pháp, nơi các thức trụ, tâm bị tạp nhiễm cùng với việc chiêu tập hữu sau của vị lai, tất cả đều không.

Lại nữa, chư Phật quá khứ, lúc làm Bồ tát, đã tư duy như lý về pháp duyên khởi rồi, chứng giác Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng. Nay, Đức Bạc-già-phạm, cũng đối với pháp duyên khởi chánh tư duy rồi, chứng giác Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng.

Như Phật quá khứ, chứng đắc Bồ đề rồi, tức ở nơi duyên khởi tác ý duyên dựa theo đạo lý thuận nghịch, tạo phương tiện tùy tu, hiện pháp lạc trụ rồi, trụ nơi an lạc. Nay, Đức Bạc-già-phạm cũng lại như vậy. Pháp kia tuy là vô lượng, như nói bảy kiếp tương tự của thế gian, nên chỉ nói bảy. Như vậy, Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng hãy còn nhận biết như thật về duyên khởi, chưa chứng có thể chứng, chứng rồi đạt được hiện pháp lạc trụ, hưởng chi là các pháp Bồ đề hiện có thấp kém khác. Lại vì Đẳng giác như thật về duyên khởi, thấu nhận năm chi, là phương tiện đoạn trừ, như trước đã nói nên biết.

Lại, duyên khởi, về nghĩa tóm lược chung, tức dựa nơi phẩm lưu chuyển có nhân nơi các khổ. Lại dựa vào phẩm hoàn diệt, có nhân nơi các pháp vô lậu hiện có. Lại có nhân khổ, là nhân duyên nơi các lậu. Lại, chỗ nương dựa của các lậu kia, tánh từ vô minh xúc sanh khởi các thọ. Lại, có nhân pháp trụ lập nhân duyên, tức trong hiện pháp, phiền

não đã đoạn trừ, chỉ có dựa nơi duyên.

Lại, dựa nơi bảy thứ thanh tịnh, lần lượt tu tập, vì nhằm chứng đắc Niết-bàn cứu cánh không tạo tác, nên biết là đã tuyên thuyết về giáo pháp thâm diệu tùy thuận duyên tánh duyên khởi như thế.

Những gì gọi là bảy thứ thanh tịnh? Đó là:

1. Giới thanh tịnh.
2. Tâm thanh tịnh.
3. Kiến thanh tịnh.
4. Vượt qua nghi, thanh tịnh.
5. Trí kiến đạo phi đạo thanh tịnh.
6. Trí kiến hành thanh tịnh.
7. Trí kiến hành đoạn thanh tịnh.

Thế nào gọi là có được thanh tịnh như vậy, lần lượt tu tập? Nghĩa là có Bí-sô, an trụ đầy đủ nơi Thi-la, giữ gìn luật nghi biệt giải thoát, nói rộng nên biết như nơi địa Thanh văn.

Bí-sô ấy, do gồm đủ Thi-la như thế, nên có thể không hối tiếc, nói rộng cho đến tâm được chánh định, lần lượt đầy đủ, an trụ nơi Tĩnh lự thứ tư. Vị ấy đã đạt được tâm định như thế, lần lượt cho đến đạt được tâm chất trực, nhu hòa, an trụ nơi bất động, vì nhằm chứng đắc lậu tận trí thông, nên tâm định hướng tới bốn Thánh đế, chứng nhập hiện quán, đoạn trừ tất cả phiền não do kiến đạo đoạn, đạt được chánh kiến hữu học vô lậu. Do được chánh kiến, nên có thể đối với Khổ Tập Diệt Đạo cùng Phật Pháp Tăng, dứt trừ hoàn toàn mọi nghi hoặc. Do đoạn trừ rốt ráo, vượt khỏi do dự, nên gọi là vượt qua nghi.

Lại, đối với đạo hành trước của chánh kiến đã nhận biết rõ như thật đó là chánh đạo, do đấy có thể đoạn trừ hoặc do Tu đạo đoạn trừ sau khi Tu đạo đã đoạn.

Lại, đối với phi đạo hành trước của tà kiến đã nhận biết rõ như thật đó là tà đạo. Nơi đạo, phi đạo đã đạt thiện xảo rồi, nên xa lìa phi đạo, gắn bó với chánh đạo.

Lại, ở nơi bốn thứ hành tích của tùy đạo đều nhận biết rõ như thật. Những gì là bốn thứ hành tích? Đó là:

1. Khổ trì thông.
2. Khổ tốc thông.
3. Lạc trì thông.
4. Lạc tốc thông.

Hành tích như thế, đã biện giải rộng, nên biết như nơi địa Thanh văn.

Như thế, bảy thứ thanh tịnh làm chỗ dựa, lần lượt tu tập, cho đến đạt được Niết-bàn không tạo tác, các lậu vĩnh viễn dứt hết. Nên biết ở đây do đối với bảy thứ thanh tịnh như thế, tất cả đều đầy đủ, lần lượt tu tập mới chứng đắc Niết-bàn không tạo tác, chẳng phải là thiếu một thứ. Do đó, nên cầu tất cả như vậy.

Đối với Đức Thế Tôn, việc tu tập phạm hạnh thành thực, không phải chỉ cầu một thứ. Lại, Đức Phật Thế Tôn, do nhân duyên ấy, nên cũng thiết lập đủ tất cả bảy thứ thanh tịnh như thế, vì khiến chứng đắc Niết-bàn không tạo tác, chẳng phải là tùy bỏ một loại.

Lại ở trong ấy, dựa nơi mỗi mỗi thứ mà nói, không phải chỉ do đây, cũng không phải lia đây mà có thể chứng đắc. Như thế nên biết, ở đây duyên tánh duyên khởi là thâm diệu.

Lại nữa, tụng nêu:

*An lập cùng nhân duyên
Quan sát nơi nghĩa thực
Rất nhiều các lỗi lầm
Tập nhiễm cùng ở sau.*

Có bốn thứ pháp, ở trong hiện pháp, hoàn toàn có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Bốn pháp đó là:

1. Khí lực.
2. Hỷ lạc.
3. Đối với sự khả ái, chuyên chú trông mong.
4. Khí lực, hỷ lạc, chuyên chú, trông mong, với chỗ nương dựa là đại chủng của các căn, cùng thọ mạng, cùng hơi ấm, an trụ không hoại.

Bốn pháp như thế, theo thứ lớp ấy, nên biết. Biệt dụng nơi bốn pháp là thực (ăn):

1. Đoạn.
2. Xúc thuận lạc thọ.
3. Ý hữu lậu hợp Tư.
4. Thức có thể nắm giữ đại chủng của các căn.

Nên biết ở đây, đoạn cùng với khí lực của hiện pháp là thực (ăn). Do khí lực nên liền có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Các xúc hữu lậu có thể thuận theo lạc thọ, có thể cùng với hỷ lạc là thực (ăn). Do hỷ lạc, nên có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Nếu tại ý địa có thể hợp cảnh nơi Tư, gọi là ý hợp Tư.

Có thể cùng với tất cả cảnh khả ái chuyên chú, hy vọng, là thực (ăn). Do chuyên chú, hy vọng, nên có thể nuôi lớn đại chủng của các

căn. Do thức có thể nhận giữ đại chủng của các căn, nên khiến đại chủng của các căn kia, cùng thọ mạng, cùng hơi ấm và thức không lìa thân, làm nhân mà trụ. Thế nên nói thức gọi là nhân trụ kia. Do trụ kia, nên khí lực, hỷ lạc, chuyên chú, hy vọng, dựa vào nhân kia mà chuyển.

Bốn thức thực (ăn) như vậy, có thể khiến cho hữu tình đã sanh, an trụ. Lại do đoạn, mà có khí lực. Có khí lực nên đại chủng các căn đều được tăng trưởng. Do nhân duyên ấy, nên các hàng ngu tối luyến tiếc thân mạng. Vì nghĩa ấy, nên có sự truy tìm. Vào lúc truy tìm đã tạo tác vô số các nghiệp thiện, ác mới, cũng khiến tăng trưởng. Lại có thể tăng trưởng vô số phiền não. Như nói về đoạn, xúc, ý hợp Tư, theo chỗ ứng hợp, nên biết cũng vậy. Do ba môn ấy, thức có thể tích tập nghiệp phiền não của hữu sau. Nơi hiện pháp này, do nghiệp phiền não luôn đeo đuổi, nên tạo thành hữu thủ, liền có thể thâm nhận hữu sau của vị lai. Bốn thức (ăn) như thế, khiến cầu hữu sau, yêu thích hữu sau. Đối với hữu sau ấy, người chưa thể đoạn trừ, thì có thể gồm thâm hữu sau, gồm thâm khắp hữu sau, tùy thuận gồm thâm hữu sau.

Lại, các thứ đoạn thực, nơi cõi Trời thuộc Dục giới, gọi đó là tế. Hoặc trung hữu nơi bụng mẹ, nơi màng trứng, nên biết cũng thế. Phần vị còn lại nơi cõi Dục, đoạn thực gọi là thô.

Xúc, ý hợp Tư cùng với thức thực, tại cõi Vô sắc, nên biết gọi là tế. Các xứ khác gọi là thô. Có sắc làm chỗ dựa để phân biệt. Không sắc làm chỗ dựa khó phân biệt.

Lại, các thứ thực (ăn) này nên biết, có khác với môn nghĩa thô tế. Tức nếu có thể khiến các hữu tình đã sanh được an trụ, thì gọi là thô. Gồm thâm, làm tăng nơi các hữu tình cầu hữu, nên biết là tế. Như thế là nên biết đã an lập bốn thức (ăn).

Lại nữa, như trên đã nói về đại chủng của các căn, do Tập đế gồm thâm, trước tiên là ái sanh. Vì nhằm khiến cho chúng được tăng trưởng, nên truy cầu bốn thức thực (ăn). Do đạo lý ấy, nên các hữu tình đã sanh, tuy do bốn thức mà được an trụ, nhưng gốc là dựa vào ái làm duyên nên có.

Lại, có ái, nên ở trong hiện pháp, thân dựa nơi các thực, do ba thứ môn làm tươi lớn nghiệp hoặc, luôn đeo đuổi, có thức của thủ. Ở trong hiện pháp thâm nhận hữu sau. Thế nên tất cả hữu tình cầu hữu, tuy do bốn thức thực gồm thâm tăng ích, nhưng lại dựa vào ái làm duyên nên có.

Lại, tức ái này, ở trong hiện pháp, do vô minh xúc sanh khởi các ái làm duyên nên khởi. Vô minh xúc này, do trước thường xuyên hành

tập các vô minh giới thuận theo sáu xứ làm duyên nên khởi. Sáu xứ này, về sau lại không có nhân khác, nên ở trong hiện pháp chỉ có sáu xứ này lần lượt dựa vào nhau. Các căn có sắc nường dựa nơi thức. Thức cũng nường dựa nơi chỗ chấp thọ của thức là các căn có sắc. Do nhân duyên này, sáu xứ trở về sau lại không nói đến. Hoặc lại có lúc lắng nghe Chánh pháp, là lực của chi ngoài. Tác ý như lý, chánh cần tu tập, là lực của chi trong. Vì nhân duyên ấy, nên chánh kiến sanh khởi. Chánh kiến sanh nên có thể đoạn trừ vô minh, có thể sanh minh. Vì ấy, ở trong hiện pháp, các vô minh giới thuận theo sáu xứ, đều được trừ diệt, minh giới thuận theo sáu xứ được sanh, gọi là chuyển y. Thọ trọng của phẩm kia đều dứt bỏ hết. Sáu xứ đã diệt, lần lượt cho đến ái cũng tùy diệt. Do ái diệt, nên các thực (ăn) cũng diệt. Các pháp có thể giữ lấy hữu sau đã diệt, nên biết hữu sau cũng lại tùy diệt. Vì thế nên biết, người ở nơi minh, không cầu hữu sau.

Lại nữa, không có một ít pháp sanh rồi an trụ. Cũng không có ngã thực (ăn) nơi đối tượng thực. Do nhân duyên ấy, pháp kia sao gọi là thực (ăn)? Nhưng chỉ căn cứ nơi cùng với các pháp chưa sanh tạo lý sanh duyên, chỉ có pháp dẫn pháp, được gọi là nghĩa thực (ăn). Chỉ do pháp giả nơi thức kia trên tưởng giả thiết lập hữu tình, đối chiếu với bốn thực ấy, gọi là người thực (ăn), vì nhằm thuận theo ngôn thuyết thế gian. Căn cứ nơi Thế tục đế, nói có hữu tình như thế, có thể thực bốn thứ thực (ăn), không phải căn cứ theo Thắng nghĩa. Vì sao? Vì nếu nói có thức sanh rồi an trụ, thể là hữu tình chân thật, gọi là chủ thể thực (ăn) thì không nên lập thức là tánh của thực kia. Vì chưa từng thấy có hữu tình trở lại tự có thể thực hữu tình. Một trong tương tục, nhất định không có hai thức đồng thời an trụ. Do đó, lập thể của thức là hữu tình chân thật, là người có thể thực (ăn) là không hợp đạo lý.

Vì có chỗ không hợp lý như thế, nên nếu nêu lên câu hỏi: Ai thực (ăn) nơi thức thực? Nên biết đây là câu hỏi phi lý. Nếu đưa ra câu hỏi: Ai là nhân duyên có thể thực (ăn) nơi thức thực? Nên biết câu hỏi này là câu hỏi như lý, có thể khiến ngộ nhập nơi lý duyên khởi.

Lại có hai hữu:

1. Sanh hữu.
2. Nghiệp hữu.

Nếu là hữu sau của vị lai sanh khởi, nay trong hiện pháp, các phiền não của nghiệp đã đeo đuổi nơi thức làm nhân, có thể dẫn phát sanh hữu của vị lai. Tức hữu kia từng có tánh của nghiệp hành trước, gọi là nghiệp hữu. Ở trong hiện pháp, có hữu ấy nên có thể khiến cho hữu

sau thuộc về sanh hữu của vị lai sanh khởi. Vào lúc mạng chung, sáu xứ của tiền tế vừa vô thường diệt, thì sáu xứ của hậu tế liền lại nối tiếp sanh. Tức thức của sáu xứ này, nơi thời trước là duyên có thể dẫn khởi, lại đối với hiện tại là duyên kết sanh. Như thế, do thức nhập nơi thai mẹ, nên được có danh sắc. Danh sắc làm duyên nên có sáu xứ. Do vô minh giới theo đuổi sáu xứ dùng làm duyên, nên có xúc tương tự. Lần lượt cho đến thủ làm duyên, nên khiến nghiệp của hậu tế chuyển thành hữu. Các pháp như thế trước chưa từng có, tất cả mới từ duyên khởi riêng biệt. Nên biết ở đây đều không có người tiếp xúc, cho đến hữu. Chủ thể hữu nơi đối tượng xúc, cho đến hữu của hữu, chỉ có các pháp gọi riêng là đối tượng thực (ã), gọi riêng là chủ thể thực (ã). do đó, nhân quả gắn liền nơi các hành, nối tiếp lưu chuyển không có đoạn dứt.

Do nơi nghiệp hữu của tiền tế đi đến sanh hữu của hậu tế. Lại do nghiệp hữu của hậu tế trở lại hưởng tới sanh hữu của tế trước, như thế là duyên khởi chuyển hồi không dứt, từ thế gian này đến thế gian kia, từ thế gian kia trở lại thế gian này. Do vậy, chỉ pháp có thể dẫn nghĩa của pháp. Nên biết ở đây, nói là nghĩa của thực (ã).

Lại nữa, ba thực (ã) làm nhân, có thể khiến cho ba thứ nội khổ sanh khởi. Ba thứ nội khổ là:

1. Bệnh khổ do Giới không bình đẳng sanh khởi.
2. Khổ do dục mong cầu.
3. Khổ do cầu không được đáp ứng.

Khổ thứ nhất, đoạn thực làm nhân. Khổ thứ hai, xúc thực làm nhân. Khổ thứ ba, ý hợp Tư thực làm nhân.

Nhân duyên của đoạn thực sanh khởi nội bệnh khổ. Do đấy các Bí-sô nên quán đoạn thực như tưởng về thịt của con mình, không nên tham vướng. Nhân duyên của xúc thực thuận theo lạc thọ, có thể sanh nội khổ do ham muốn mong cầu, vì thế các Bí-sô phải quán việc thuận theo sáu thứ xúc kia như bò không có da, nên khởi quán này: Nếu ta dựa nơi sáu thứ xúc, phát khởi vô số ham muốn mong cầu tham ái, nên lại nương dựa nơi các sắc mà trụ. Dựa vào các sắc, nên khiến ta phát khởi vô số các tâm tư ác, bất thiện, như xúc của bò không da, là chỗ rúc rĩa của các loài trùng, sanh nhiều các khổ, trụ không an ổn.

Quán như vậy rồi, đối với xúc xúc thứ nhất, thấy rõ lỗi lầm nên không nhiễm mà trụ.

Như dựa nơi sắc, thì dựa nơi thanh, hương, vị, xúc pháp, nên biết cũng thế. Như đối với xúc xúc thứ nhất, thấy rõ lỗi lầm, tai họa, không nhiễm mà trụ, thì cho đến đối với xúc xúc thứ sáu, nên biết cũng thế.

Nhân duyên của ý hợp Tư thực là hữu lậu, nên có thể sanh khởi nội khổ do cầu không được đáp ứng. Vì vậy, các Bí-sô nên quán ý hợp Tư thực hữu lậu như một phần lửa. Quán xét chỗ mong cầu không được đáp ứng như thế, có thể dẫn phát thân tâm bị nhiệt não lớn.

Các Bí-sô khởi quán xét đúng đắn như thế rồi, trọn không trông mong về các sự như y phục, thức ăn uống v.v... khi đi tới các nhà khác, do vậy không bị các khổ xúc phát sanh do cầu không được đáp ứng, tâm thản nhiên, an lạc mà trụ. Vì nhân duyên ấy, nên quán xét đúng đắn về ba thứ thực (ăn) như thế, đó là đoạn, xúc, ý hợp Tư thực. Tức do nhân duyên của ba thứ thực như vậy, nội khổ dựa vào thức sanh khởi như đã nêu. Thế nên các Bí-sô phải quán thức thực như ba trăm đầu nhọn của gươm bén đâm chém. Vì sao? Vì nhân duyên của đoạn thực có thể khiến, không phải một mà là vô số rất nhiều phẩm loại bệnh khổ dựa nơi thức mà khởi. Nhân duyên của xúc thực thuận theo lạc thọ, có thể khiến cho khổ do ham muốn mong cầu dựa nơi thức mà khởi càng tăng. Nhân duyên của ý hợp Tư thực hữu lậu có thể khiến cho vô số khổ do cầu mong không được đáp ứng, dựa vào thức mà khởi. Như vậy, hành giả ở trong thức thực, quán đúng đắn các thực do thức làm chỗ dựa đã sanh nhiều lỗi lầm, tai họa. Do nhân duyên ấy, nên không luyến tiếc thân mạng, như lý như thế, nơi bốn thứ thực (ăn) quán xét đúng đắn, tường tận, nên đối với hiện pháp, có thể đoạn trừ vĩnh viễn các thực. Thực đã vĩnh viễn đoạn trừ, nên nơi vị lai đạt đến biên vực tận cùng của khổ nơi hữu sau.

Lại nữa, nếu không quán đúng như thật về bốn thứ thực (ăn) ấy, liền bị hỷ tham làm nhiễm ô. Nếu bị hai thứ ấy cấu nhiễm, nên biết là đã mong cầu hai thứ lỗi lầm tai họa:

1. Nơi vị lai.
2. Nơi hiện pháp.

Ở trong bốn thứ thực, nhân duyên của ý hợp Tư thực hữu lậu, chuyên chú, hy vọng cùng hành nơi hỷ nhiễm gọi là hỷ. Nhân duyên của xúc thực thuận theo lạc thọ, đối với các thực có thể tùy thuận hỷ lạc, sanh nhiều nhiễm chấp, gọi là tham.

Hai loại phiền não này, ở trong hiện pháp, có thể cấu nhiễm nơi thức, khiến chúng ở yên nơi bốn thức trụ, tăng trưởng chủng tử của hữu sau nơi vị lai. Đã tăng trưởng rồi thì dấy khởi các khổ như sanh v.v... của hữu sau. Nên biết đó gọi là hai thứ phiền não của hỷ tham đã tạo ra lỗi lầm tai họa nơi vị lai. Hành giả kia, như thế là ở trong bốn thứ thực (ăn) đã an trụ nơi hai thứ phiền não hỷ tham, nên đối với hiện pháp có

các thứ trần nhiễm, do trần nhiễm nên các thứ thực nếu biến hoại, thì ở trong hiện pháp liền sanh sầu lo buồn than, trụ trong khổ não, héo hắt. Nên biết đó gọi là hai thứ phiền não hỷ tham đã tạo các thứ lỗi lầm, tai họa nơi hiện pháp.

Lại nữa, các hữu tình ở trong bốn thứ thực ấy, nếu hỷ tham chưa đoạn, thì sáu xứ kia gồm thân thân có thức, cũng như đài, lầu, sáu xứ là các cửa sổ cửa lớn, có thể cùng duyên nơi cảnh phiền não là ánh sáng mặt trời, tạo nhập nơi xứ nương dựa. Ánh sáng ấy, ở đây hoặc trụ trên đất, hoặc trụ dưới đất. Đã được trụ rồi, như trước đã nói, nơi bốn thức trụ, có thể tạo nhiễm nơi thức, sanh khởi các khổ của hữu sau nơi vị lai. Nếu có hành giả có thể đoạn trừ hai thứ phiền não hỷ tham như thế, cùng với các thứ kia trái nhau, thì phiền não duyên nơi cảnh hỷ còn không được khởi, huống hồ là dựa nơi nhập ấy mà sẽ được trụ.

Lại nữa, nếu có hữu tình, hỷ tham chưa đoạn, liền bị Ma la đi đến trụ xứ, dùng vô số cảnh giới khả ái, cũng như dùng màu sắc rực rỡ họa nhiều hình hữu tình kia, khiến chúng biến sanh vô số tướng mạo phiền não hiện rõ. Nên biết hữu tình như thế, vì hỷ tham chưa đoạn, ví như đất kia, có thể bị vô số phiền não là hình vẽ rực rỡ, làm chỗ nương dựa. Hữu tình đã đoạn hỷ tham, Ma đi tới trụ xứ của mình, như trước đã nói rộng, nên biết hữu tình như thế là hỷ tham đã đoạn dứt, cũng như hư không, không bị vô số phiền não là những hình vẽ rực rỡ làm chỗ nương dựa. Nên biết đó gọi là, ở trong các thứ thực (ăn) hỷ tham chưa đoạn, như thứ lớp ấy là lỗi lầm tai họa hiện có. Nên biết đó gọi là, ở trong các thực, hỷ tham đã đoạn, như thứ lớp ấy, là công đức hiện có.

*

**